

Số: 42 /KL-STP

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 8 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA
Công tác quản lý và thực hiện chứng thực, công tác quản lý và
đăng ký hộ tịch đối với Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Thực hiện Quyết định số 98/QĐ-STP ngày 12/6/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thanh tra công tác quản lý và thực hiện chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch đối với Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang,

Sau khi xem xét Báo cáo số 03/BC-ĐTT ngày 30/7/2019 của Đoàn Thanh tra được thành lập theo Quyết định số 98/QĐ-STP ngày 12/6/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp và các tài liệu, hồ sơ thanh tra, Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2018 (*thời điểm thanh tra*), Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, Phòng Tư pháp huyện Chiêm Hòa và các xã Ngọc Hội, Xuân Quang, thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hóa đã thực hiện công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch với kết quả cụ thể như sau:

1. Công tác lãnh, chỉ đạo

Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, Phòng Tư pháp huyện Chiêm Hòa và các xã Ngọc Hội, Xuân Quang, thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hóa ban hành theo thẩm quyền 21 văn bản và tổ chức thực hiện công tác chứng thực, hộ tịch trên địa bàn, trong đó: Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa ban hành 04 văn bản, Phòng Tư pháp huyện ban hành 02 văn bản, xã Ngọc Hội ban hành 04 văn bản, xã Xuân Quang ban hành 02 văn bản, thị trấn Vĩnh Lộc ban hành 09 văn bản.

2. Việc bố trí, phân công công chức làm công tác chứng thực, hộ tịch

- Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa bố trí cho Phòng Tư pháp huyện 03 biên chế, hiện có mặt 03 công chức/03 biên chế, 03 công chức có trình độ chuyên môn Luật, trong đó 01 công chức (*Phó trưởng phòng*) có trình độ Thạc sỹ, 02 chuyên viên có trình độ Đại học.

- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hội: Bố trí 02 công chức có trình độ Trung cấp luật tham mưu thực hiện công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký

hộ tịch (ông Lâm Phúc Huyền, tham mưu thực hiện từ năm 2018 và bà Lương Thị Huế, tham mưu thực hiện từ năm 2019); năm 2017 và 2018, Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hội bố trí ông Tề Văn Dương, trình độ Trung cấp Luật tham mưu thực hiện công tác chứng thực, hộ tịch; đến năm 2019, ông Tề Văn Dương chuyển công tác đến xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa.

- Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang: Bố trí 02 công chức, trình độ Đại học luật tham mưu công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (ông Ma Văn Trường và Hà Đình Linh).

- Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc: Bố trí 02 công chức, trình độ Trung cấp luật tham mưu thực hiện công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (ông Hoàng Khải Hoàn và bà Nguyễn Thị Thu Hà).

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Trong năm 2017 và 2018, Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, Phòng Tư pháp huyện Chiêm Hóa và các xã Ngọc Hội, Xuân Quang, thị trấn Vĩnh Lộc tổ chức 109 buổi tuyên truyền pháp luật về công tác chứng thực, hộ tịch lồng ghép với công tác tư pháp cho 11.888 lượt người nghe, trong đó: Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa tổ chức 08 buổi cho 3.305 lượt người nghe, xã Ngọc Hội tổ chức 65 buổi cho 5.302 lượt người nghe, xã Xuân Quang tổ chức 13 buổi cho 1.326 lượt người nghe, thị trấn Vĩnh Lộc tổ chức 23 buổi cho 1.955 lượt người nghe.

4. Công tác chứng thực, công tác đăng ký hộ tịch

T T	Nội dung	UBND huyện Chiêm Hóa		Phòng Tư pháp huyện		Xã Ngọc Hội		Xã Xuân Quang		Thị trấn Vĩnh Lộc		Tổng	
		Số việc	Lệ phí (1.000đ)	Số việc	Lệ phí (1.000đ)	Số việc	Lệ phí (1.000đ)	Số việc	Lệ phí (1.000đ)	Số việc	Lệ phí (1.000đ)	Số việc	Lệ phí (1.000đ)
1	Công tác chứng thực			1.741	4.474	8.703	51.756	9.854	61.930	21.242	119.470	41.540	237.630
-	Chứng thực bản sao từ bản chính	0	0	1.741	4.474	7.521	Không tách riêng được từng loại	9.689	37.772	17.947	57.540	36.898	
-	Chứng thực chữ ký	0	0	0	0	1.093		88	880	2.160	21.600	3.341	
-	Chứng thực hợp đồng, giao dịch	0	0	0	0	89		77	3.540	1.135	40.330	1.301	
2	Công tác hộ tịch												
-	Đăng ký khai sinh	14	840	0	0	320	0	394	0	598	0	1.326	0
+	Đúng hạn	08				149		187		283		627	
+	Quá hạn	04				07		14		0		25	

+	Đăng ký lại	02				164		193		315		674	
-	Đăng ký khai tử	0	0	0	0	79	0	53	35	58	0	190	35
+	Đúng hạn	0				60		43		05		208	
+	Quá hạn	0				16		10		28		54	
+	Đăng ký lại	0				3		0		0		3	
-	Đăng ký kết hôn	12	14.0 00	0	0	82		75	0	131		294	0
+	Đăng ký mới	12				82		75		125		294	14.000
+	Đăng ký lại	0				0		0		06			
+	Ghi chú KH	0				0		0		0			
-	Đăng ký việc nuôi con nuôi	0		0	0	0		0		01	0	0	0
-	Đăng ký việc giám hộ	0		0	0	0		0		0		0	0
-	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	0		0	0	0		01	0	01	0	0	0
+	Đăng ký nhận cha	0				0		0		0			
+	Đăng ký nhận mẹ	0				0		0		0			
+	Đăng ký nhận con	0				0		1		01			
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	835	16.222	0	0	16	0	18	0	09	0	878	16.222
-	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	0	0	0	0	606	4.848	2.233	17.864	584	4.672	3.423	27.384
-	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	0	0	0	0	174	0	92	0	177	0	443	0

II. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Ưu điểm.

- Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa cơ bản thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và thực hiện theo thẩm quyền đối với công tác chứng thực, đăng ký hộ tịch trên địa bàn huyện như: Tổ chức và chỉ đạo tổ chức tuyên truyền pháp luật về chứng thực, hộ tịch rộng rãi đến cán bộ, nhân dân trên địa bàn; tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; kiểm tra việc thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, chứng thực trên địa bàn; thực hiện việc cấp giấy tờ hộ tịch cho người dân kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

- Phòng Tư pháp huyện Chiêm Hóa và Ủy ban nhân dân các xã Xuân Quang, Ngọc Hội và thị trấn Vĩnh Lộc cơ bản đã chấp hành pháp luật về hộ tịch, chứng thực: Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản

chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (*viết tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP*), Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (*viết tắt là Nghị định số 123/2015/NĐ-CP*), Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch (*viết tắt là Thông tư số 15/2015/TT-BTP*), Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ (*Viết tắt là Thông tư số 20/2015/TT-BTP*); tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực, hộ tịch theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức bảo đảm kịp thời, không để xảy ra khiếu kiện trong lĩnh vực này.

2. Hạn chế, sai sót

2.1. Công tác quản lý và đăng ký hộ tịch

2.1.1. Đăng ký khai sinh

- Sổ đăng ký khai sinh thực hiện không đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, gồm:

+ Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa: Sổ ghi bằng hai màu mực, sử dụng bút xóa để xóa nội dung không đúng, sửa sổ.

+ Xã Ngọc Hội: Sổ không đúng mẫu (*sổ do UBND xã tự in*); đăng ký số trong Sổ không đúng thứ tự về thời gian thực hiện các việc về khai sinh: Số 10 đăng ký ngày 21/02/2018, số 11 đăng ký ngày 23/01/2018, số 12 đăng ký ngày 24/01/2018.

+ Xã Xuân Quang: Chưa thực hiện chốt sổ đăng ký khai sinh (*quyển số 01/2016; quyển số 02/2017; quyển số 01/2018; quyển 02/2018*); nội dung sửa chữa chưa ghi vào phần ghi chú theo quy định; không ghi Mục “*Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh*”: số 03, 05, 10, 13, 16, 20, 23, 27, 40, 41, 45, 47 quyển 01/2016

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: Ghi sổ bằng nhiều màu mực, nội dung sửa chữa chưa ghi vào phần ghi chú theo quy định; Bỏ trống số trong Sổ: 48/2018, các số 56, 178, 199/2017; thiếu chữ ký của người đi đăng ký khai sinh: số 167, 165, 104, 105, 106, 109, 110, 114, 131, 132, 141, 153, 222, 223, 224 năm 2017.

- Không lưu hồ sơ đăng ký khai sinh, tổng số 22 trường hợp, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2015/TT-BTP¹, gồm:

¹ Khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định: “1. Khi tiếp nhận hồ sơ, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.

- + Xã Ngọc Hội: 01 trường hợp (*số đăng ký 11/2018*).
- + Xã Xuân Quang: 14 trường hợp (*các số 03, 37, 64, 68, 75, 123, 137, 188, 192 năm 2017; các số 02, 04, 12, 19, 131/2018*)
- + Thị trấn Vĩnh Lộc: 07 trường hợp năm 2018 (*các số 11, 12, 47, 64, 82, 162, 168*)
- Không đảm bảo về thủ tục đăng ký khai sinh (*đăng ký khai sinh khi không có Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay thế*), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật hộ tịch²: 01 trường hợp xã Ngọc Hội (*số 05/2017*)
- Thực hiện việc cấp Giấy khai sinh cho công dân nhưng không tiến hành vào Sổ đăng ký khai sinh, vi phạm quy định về thủ tục đăng ký khai sinh quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật hộ tịch 2014³: Tổng số 15 trường hợp, gồm:
 - + Xã Xuân Quang: 03 trường hợp (*Hứa Thị Tươi, tờ khai ngày 09/10/2018; Dương Văn Vững, tờ khai ngày 02/3/2018; Mai Hồng Oanh, tờ khai 02/5/2018*)
 - + Thị trấn Vĩnh Lộc: 12 trường hợp (*Lương Thị Hải, Tờ khai ngày 08/3/2018; Lý Văn Quan, Tờ khai ngày 20/6/2018; Lưu Văn Lâm, Tờ khai ngày 20/6/2018; Khương Diệp Anh, Tờ khai ngày 28/6/2018; Nguyễn Bảo Lâm, Tờ khai ngày 31/7/2018; Hà Thị Lan, Tờ khai ngày 12/7/2018; Ma Thị Bích Liên, Tờ khai ngày 22/3/2017; Đặng Văn Tùng, Tờ khai ngày 17/3/2017; Mai Bảo Sơn, Tờ khai ngày 07/3/2017; Đặng Yến Nhi, Tờ khai ngày 21/7/2017; Trần Thị Thắm, Tờ khai ngày 26/9/2017; Lương Xuân Cương, Tờ khai ngày 08/9/2017*).
- Không đảm bảo về điều kiện đăng ký lại khai sinh (*Đăng ký lại khai sinh cho công dân nhưng công dân vẫn còn Bản chính Giấy khai sinh, hoặc sổ gốc còn lưu trữ thể hiện công dân đã được đăng ký khai sinh*), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ⁴ (*Sau đây viết là Nghị định 123/2015/NĐ-CP*): Tổng số 06 trường hợp, gồm:
 - + Xã Xuân Quang: 01 trường hợp còn Bản chính Giấy khai sinh (*số 152/2018 - Tạ Ngọc Hoa*).
 - + Thị trấn Vĩnh Lộc: 05 trường hợp sổ gốc vẫn còn lưu trữ thể hiện công dân đã được đăng ký khai sinh (*số 141/2018, các số 59, 68, 69, 131/2017*)

2. Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp”

²Khoản 1 Điều 16 Luật hộ tịch quy định: “Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có cam đoan về việc sinh...”

³ Khoản 2 Điều 16 Luật hộ tịch 2014 quy định: “Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Sổ định danh cá nhân”.

⁴ Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: “Việc khai sinh, kết hôn, khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại”

- Không có căn cứ đăng ký nội dung về cha, mẹ của người đăng ký lại khai sinh, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP⁵: Tổng số 82 trường hợp, trong đó:

+ Xã Ngọc Hội: 20 trường hợp (các số 01, 06, 14, 96, 95, 29, 30, 41, 50, 51, 52, 59, 62, 64/2017; số 20, 60, 61, 74, 80, 90 năm 2018).

+ Xã Xuân Quang: 35 trường hợp (các số 17, 18, 09 năm 2017, các số 130, 134, 135, 178, 189, 194, 16, 18, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 32, 33, 34, 35, 45, 47, 54, 57, 83, 103, 107, 110, 111, 112, 113, 116, 130, 144).

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 27 trường hợp thực hiện năm 2017 (các số 07, 08, 17, 20, 32, 36, 40, 51, 62, 78, 79, 80, 138, 139, 140, 143, 150, 155, 110, 118, 127, 109, 185, 184, 163, 166, 169)

- Đăng ký lại việc sinh thiếu căn cứ (thiếu các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ tùy thân của người đề nghị đăng ký lại khai sinh); căn cứ vào giấy tờ công dân được cấp không đúng quy định; thiếu cam đoan của người đăng ký lại khai sinh về việc đã nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (như đã nêu ở nội dung trên). Tổng số 36 trường hợp, gồm:

+ Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa: 02 trường hợp (số 01, 07/2018).

+ Xã Xuân Quang: 23 trường hợp (11 trường hợp thiếu văn bằng, chứng chỉ: các số 29, 34, 35, 47, 61 64, 67, 112, 113, 116, 141 năm 2018; 12 trường hợp thiếu cam đoan đã nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hiện có: 09, 10, 15, 17, 18, 20, 28/2017; 178, 194, 130, 134, 135/2018)

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 11 trường hợp (09 trường hợp thực hiện năm 2017 thiếu văn bằng, chứng chỉ: các số 12, 75, 138, 139, 162, 163, 184, 197, 198; 02 trường hợp căn cứ vào giấy tờ công dân được cấp không đúng quy định: số 04/2017, 74/2018)

- Trình tự đăng ký lại việc sinh cho công dân không đúng quy định (Không tiến hành xác minh tại nơi đăng ký ban đầu của công dân), vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015⁶, tổng số 70 trường hợp, gồm:

⁵ Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định: “3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh:

a) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

b) Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú;

c) Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan đào tạo, quản lý giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận;

d) Giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân;

đ) Giấy tờ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh cam đoan không đúng sự thật, cố ý chỉ nộp bản sao giấy tờ có lợi để đăng ký lại khai sinh thì việc đăng ký lại khai sinh không có giá trị pháp lý”.

⁶ Khoản 2 Điều 26 quy định: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu việc đăng ký lại khai sinh là đúng theo quy định của pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký lại khai sinh như trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch.

+ Xã Ngọc Hội: 08 trường hợp (số 12, 26, 28, 43, 90 năm 2018; số 30, 41, 95 năm 2017).

+ Xã Xuân Quang: 01 trường hợp (số 198/2018)

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 61 trường hợp (24 trường hợp năm 2017, các số 07, 17, 20, 58, 62, 65, 40, 51, 75, 79 80, 81, 118, 128, 133, 136, 140, 143, 150, 162, 163, 184, 185, 197; 37 trường hợp năm 2018, các số 10, 14, 19, 16, 13, 21, 28, 44, 58, 59, 72, 77, 78, 87, 90, 74, 103, 124, 126, 127, 128, 132, 137, 138, 139, 140, 146, 148, 149, 150, 151, 152, 155, 156, 158, 159, 161)

- Thiếu căn cứ xác định ngày, tháng, năm sinh của công dân để đăng ký lại khai sinh cho công dân, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015⁷, tổng số 07 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: 03 trường hợp (số 30, 34, 37/2018).

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 04 trường hợp (các số 74/2018, 04/2017, 01/2018, 146/2018).

- Nội dung đăng ký khai sinh cho công dân không đúng với nội dung thông tin của công dân trong Tờ khai, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP⁸: Tổng số 04 trường hợp, gồm: Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa: 01 trường hợp (số 07/2018); xã Ngọc Hội: 01 trường hợp (số 100/2017); xã Xuân Quang: 02 trường hợp (số 31/2018, 132/2018).

- Không thực hiện việc thu lệ phí đăng ký lại khai sinh và đăng ký khai sinh quá hạn, tổng số 685 trường hợp với tổng số tiền 5.480.000 đồng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014⁹

+ Xã Ngọc Hội: 171 trường hợp, số tiền 1.368.000 đồng.

+ Xã Xuân Quang: 207 trường hợp, số tiền 1.656.000 đồng.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 307 trường hợp, số tiền 2.456.000 đồng.

2.1.2. Đăng ký khai tử

Nếu việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ số hộ tịch tại địa phương”.

⁷ Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: “Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này”.

⁸ Điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP quy định: “Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh...”

⁹ Khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014 quy định: “Cá nhân yêu cầu đăng ký sự kiện hộ tịch khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí”.

- Sổ đăng ký khai tử thực hiện không đúng quy định Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: Sổ do xã tự in

+ Xã Xuân Quang: Không thực hiện khóa sổ.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: Ghi sổ không đúng quy định về trình tự thời gian thực hiện đăng ký việc hộ tịch (số 68 ngày 19/11/2018, số 69 ngày 05/11/2018, số 70 ngày 06/11/2018, số 62 ngày 28/9/2018, số 73 ngày 21/11/2018); Không có sổ đăng ký đối với 16 trường hợp (số 71, 72, 33 đến 46); bỏ trống sổ trong sổ (số 14/2018); đăng ký 02 trường hợp cùng 1 sổ (số 62 đăng ký cho trường hợp Lưu Thị Bằng và Trần Sỹ Trung); đăng ký 03 sổ cho 01 trường hợp (số 29 đến số 31 cho trường hợp Đinh Cao Biêng).

- Thiếu căn cứ đăng ký lại khai tử, chỉ có Tờ khai của công dân, không có bất kỳ tài liệu gì chứng minh sự kiện chết, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015¹⁰: Tổng số 03 trường hợp xã Ngọc Hội thực hiện năm 2018 (Số 23: công dân chết ngày 18/4/2018; số 33: công dân chết ngày 01/9/2014; số 35: không có tài liệu chứng minh đã được đăng ký khai tử, không có tài liệu thể hiện thời gian chết).

- Thực hiện đăng ký khai tử không đúng thủ tục, vi phạm quy định tại Điều 34 Luật hộ tịch 2014¹¹, tổng số 120 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: Số 10/2017 không có tờ khai, số 34/2018 nội dung đăng ký khai tử không đúng với nội dung Tờ khai của công dân, số 14/2018 thực hiện không đúng về thời gian và xác định loại việc (Công dân có Tờ khai ngày 03/3/2018, UBND xã thực hiện đăng ký cho công dân ngày 18/5/2018 và xác định công dân đăng ký quá hạn); 09 trường hợp không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế (các số 02, 04, 05, 06, 08, 32, 33, 40 năm 2017; số 24 năm 2018).

+ Xã Xuân Quang: 50 trường hợp không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế (các số 02 đến 13, 15 đến 25 năm 2017; các số 01 đến 27 năm 2018)

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 58/58 Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc đã đăng ký khai tử trong năm 2017, 2018 không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế.

¹⁰ Khoản 1 Điều 28 Nghị định 123/2015/NĐ-CP quy định: “1. Hồ sơ đăng ký lại khai tử gồm các giấy tờ sau đây:

a) Tờ khai theo mẫu quy định;

b) Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết”

¹¹ Điều 34 Luật hộ tịch 2014 quy định: “1. Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

2. Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử...”

- Không lưu hồ sơ vụ việc đăng ký khai tử đã thực hiện, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (như đã nêu ở tiết 1. mục 1 phần III Báo cáo này): tổng số 11 trường hợp, gồm:

+ Xã Xuân Quang: 03 trường hợp (Số 01, 06, 20/2017)

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 08 trường hợp năm 2018 (6, 8, 9, 74, 75, 76, 79, 81).

- Thực hiện cấp Giấy chứng tử cho người đã chết nhưng không đăng ký vào Sổ hộ tịch, vi phạm quy định tại Điều 34 Luật hộ tịch 2014 (như đã nêu ở nội dung trên), tổng số 12 trường hợp của thị trấn Vĩnh Lộc: Triệu Văn Tụ (Tờ khai ngày 30/7/2018), Đỗ Văn Đức (Đơn ngày 24/5/2018), Vũ Đình Tuy (Đơn ngày 13/12/2018), Hoàng Văn Kính (Đơn không ghi ngày do vợ là bà Hoàng Thị Phượng lập), Lưu Quang Thanh (Tờ khai ngày 04/6/2018), Nguyễn Văn Minh (Đơn ngày 05/6/2018), Phạm Văn Thành (Đơn ngày 11/6/2018), Nguyễn Thị Xim (Đơn ngày 11/6/2018), Khương Quang Chấn (Tờ khai ngày 28/6/2018), Hoàng Văn Hòa (Đơn ngày 05/7/2018), Phạm Tuấn Dương (Tờ khai ngày 06/7/2018), Triệu Say Và (Tờ khai ngày 17/7/2018), Trần Đức Bình (Tờ khai ngày 21/7/2018), Lục Thành Văn (Tờ khai ngày 24/7/2018, UBND TT cấp trích lục số 44 ngày 24/7/2018), Nguyễn Văn Kiên (Tờ khai ngày 24/7/2018), Hà Tiên Vi (Tờ khai ngày 09/8/2018).

- Không thực hiện việc thu lệ phí đăng ký khai tử quá hạn, tổng số 47 trường hợp, tổng số tiền 235.000 đồng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014 (như đã nêu ở phần trên)

+ Xã Ngọc Hội: 19 trường hợp = 95.000 đồng.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 28 trường hợp = 140.000 đồng.

2.1.3. Đăng ký kết hôn

- Sổ đăng ký kết hôn thực hiện không đúng quy định Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, gồm:

+ Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa: Ghi sổ bằng nhiều màu mực, tên của hai bên nam nữ không viết in hoa

+ Xã Ngọc Hội: Sổ do xã tự in (cả 02 năm 2017 và 2018)

+ Xã Xuân Quang: Không thực hiện khóa sổ (cả 02 năm 2017 và 2018)

- Không đảm bảo về thủ tục đăng ký kết hôn (không có Tờ khai, tờ khai không đúng quy định: không có ngày, tháng năm khai, thiếu nội dung thông tin và chữ ký của một trong hai bên nam nữ; thiếu giấy tờ chứng minh đủ điều

kiện đăng ký kết hôn), vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Hộ tịch 2014¹², tổng số 58 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội 14 trường hợp: 01 trường hợp thiếu chữ ký một trong hai bên nam - nữ (số 10/2017), 13 trường hợp thiếu ngày, tháng năm (các số 01, 02, 04, 06, 07, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 21 năm 2017; số 03/2018)

+ Xã Xuân Quang: 42 trường hợp (40 trường hợp tờ khai không đúng quy định và thiếu chữ ký một trong hai bên nam hoặc nữ, gồm: năm 2017 có 26 trường hợp: các số 9, 11, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 32, 33, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 45; năm 2018 có 24 trường hợp: 01 02, 03, 05, 06, 06, 07, 09, số 13 đến 23, 25 đến 30; 02 trường hợp thiếu Tờ khai: số 12, 44/2017)

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 02 trường hợp bên nam kết hôn lần 2 nhưng thiếu giấy tờ chứng minh (trường hợp Triệu Thành Tâm kết hôn với Sầm Thị Luyến, Trần Trung Sỹ kết hôn với Phạm Phương Thanh)

- Đăng ký kết hôn cho 02 trường hợp trùng một số, vi phạm quy định về việc lập sổ hộ tịch quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP¹³: 01 trường hợp xã Ngọc Hội (số 03 được đăng ký cho 02 trường hợp)

- Thiếu căn cứ đăng ký lại kết hôn: Thị trấn Vĩnh Lộc 02 trường hợp (trường hợp Ngô Kim Thoa kết hôn với Đỗ Tú và trường hợp Trần Thị Mơ kết hôn Nguyễn Tiến Trung), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP¹⁴.

- Không thu lệ phí đối với các trường hợp đăng ký lại kết hôn: thị trấn Vĩnh Lộc, tổng số 06 trường hợp, số tiền 150.000 đồng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014 (như đã nêu tại phần trên)

2.1.4. Đăng ký nhận con nuôi

Sở thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi: thị trấn Vĩnh Lộc.

¹² Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật hộ tịch 2014 quy định: “1. Hai bên nam, nữ nộp tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt khi đăng ký kết hôn

2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ”.

¹³ Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định: “Số đăng ký trong năm trên mỗi loại Sổ hộ tịch phải được ghi liên tục theo thứ tự, bắt đầu từ số 01 cho đến hết năm...”

¹⁴ Khoản 1 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP quy định: “1. Hồ sơ đăng ký lại kết hôn gồm các giấy tờ sau:

a) Tờ khai theo mẫu quy định;

b) Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn”.

2.1.5. Đăng ký nhận cha, mẹ, con

- Sổ thực hiện không đúng mẫu quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp: thị trấn Vĩnh Lộc.

- Hồ sơ lưu thiếu thành phần là các giấy tờ bắt buộc phải lưu (*văn bản thừa nhận con chung*), không đủ căn cứ thực hiện vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 15/2015/TT-BTP¹⁵, gồm 01 trường hợp xã Xuân Quang thực hiện năm 2017.

- Thiếu căn cứ thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật hộ tịch 2014¹⁶, gồm 01 trường hợp do thị trấn Vĩnh Lộc thực hiện năm 2017

- Không thực hiện thu lệ phí đăng ký cha, mẹ, con đối 01 trường hợp do Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang thực hiện, số tiền 15.000 đồng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014 (*đã nêu ở trên*)

2.1.6. Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch

- Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: Sổ ghi không đầy đủ nội dung cột “*Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký hộ tịch*” (Số 01, 03/2017), không thực hiện khóa sổ (năm 2017, 2018),

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: Sổ không đúng mẫu.

- Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không đảm bảo (*Tờ khai sai mẫu*), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật hộ tịch 2014¹⁷, gồm 06 trường hợp do thị trấn Vĩnh Lộc thực hiện (*các số 01, 02/2017, số 01, 04, 05, 06/2018*)

- Không ghi vào sổ các trường hợp thay đổi hộ tịch: 04 trường hợp xã Xuân Quang (*Lục Giai Nam, Tờ khai ngày 21/7/2017; Lục Giai Hưng, Tờ khai ngày 21/7/2017; Vàng Seo Lợi, Tờ khai ngày 12/9/2018; Vàng Thị Sen, Tờ khai không có ngày, tháng*), vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật hộ tịch 2014¹⁸.

¹⁵ Khoản 2 Điều 11 Thông tư 15/2015/TT-BTP quy định: “*Trường hợp không có văn bản quy định tại khoản 1 Điều này thì phải có thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác chứng minh mối quan hệ cha con, quan hệ mẹ con và văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc tre em là con chung của hai người...*”

¹⁶ Khoản 1 Điều 25 Luật hộ tịch 2014 quy định: “*Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp tờ khai theo mẫu quy định và chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch...*”

¹⁷ Khoản 1 Điều 28 Luật hộ tịch 2014 quy định: “*Người yêu cầu đăng ký, thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch*”

¹⁸ Khoản 2 Điều 28 Luật hộ tịch quy định: “*Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu*”.

- Thiếu căn cứ để thực hiện cải chính hộ tịch cho công dân, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP¹⁹, tổng số 04 trường hợp, gồm:

+ Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa: 03 trường hợp (*Số trích lục 107/TLCCHT ngày 27/7/2017, số trích lục 385/TLXĐDT ngày 28/12/2018, Trích lục số 88/TLCCHT ngày 22/5/2018*)

+ Xã Ngọc Hội: 01 trường hợp (*số 04/2017*).

- Thiếu căn cứ để thực hiện thay đổi hộ tịch cho công dân, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật hộ tịch 2014²⁰, tổng số 15 trường hợp, gồm:

+ Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa: 03 trường hợp (*Trích lục số 23/TLTĐHT ngày 02/3/2018, Trích lục số 19/TLTĐHT ngày 28/02/2018, Trích lục số 17/TLTĐHT ngày 27/02/2018*).

+ Xã Xuân Quang: 12 trường hợp (*các số 03, 04, 05/2017; 01, 03 đến 06, 08 đến 11/2018*)

- Xác định sai việc khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch (*thực tế là đăng ký cải chính hộ tịch nhưng UBND xã lại thực hiện đăng ký thay đổi hộ tịch*), vi phạm quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật hộ tịch 2014²¹, 01 trường hợp do Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hội thực hiện (*số 01/2017*).

- Không thực hiện lưu trữ hồ sơ, vi phạm quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 71 Luật hộ tịch 2014²², tổng số 03 trường hợp xã Ngọc Hội thực hiện (*số 01, 02, 03/2018*).

- Không thực hiện việc thu lệ phí, tổng số 43 trường hợp với tổng số tiền 645.000 đồng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014 (*như đã nêu ở trên*)

+ Xã Ngọc Hội: 16 trường hợp, số tiền 240.000 đồng.

+ Xã Xuân Quang: 18 trường hợp, số tiền 270.000 đồng

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 09 trường hợp, số tiền 135.000 đồng.

2.1.7. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

¹⁹ Khoản 2 Điều 7 Nghị định 123/2015/NĐ-CP quy định: “Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch”.

²⁰ Khoản 1 Điều 26 Luật hộ tịch 2014 quy định: “Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự”.

²¹ Khoản 12 Điều 4 Luật hộ tịch 2014 quy định: “Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch”

²² Khoản 1 Điều 71 Luật hộ tịch 2014 quy định: “1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

g) Lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ hộ tịch...”

- Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: Không thực hiện khoa sổ theo quy định: năm 2017, 2018.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: Không lưu trữ sổ đầy đủ.

- Không thực hiện lưu trữ hồ sơ, vi phạm quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 71 Luật hộ tịch năm 2014 (như đã nêu ở tiết 1.6 mục 1 phần III Báo cáo này), tổng số 3.411 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: 606/606 trường hợp Ủy ban nhân dân xã thực hiện trong năm 2017 và năm 2018.

+ Xã Xuân Quang: 2.233/2.233 trường hợp Ủy ban nhân dân xã thực hiện trong năm 2017 và năm 2018.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 572/584 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn thực hiện trong năm 2017 và năm 2018.

2.1.8. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thực hiện không đúng quy định theo Thông tư 15/2015/TT-BTP: Sổ bỏ trống số (xã Xuân Quang: bỏ trống số 42/2018).

- Không thực hiện lưu trữ hồ sơ, vi phạm quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 71 Luật hộ tịch 2014 (như đã nêu ở trên): 02 trường hợp xã Xuân Quang thực hiện (số 01, 25/2017)

- Không thực hiện thu lệ phí cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hộ tịch 2014 (như đã nêu ở phần trên), tổng số 446 trường hợp, số tiền là 6.690.000 đồng, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: 174 trường hợp (năm 2017: 64 trường hợp; năm 2018: 110 trường hợp) = 2.610.000 đồng.

+ Xã Xuân Quang: 91 trường hợp, số tiền 1.365.000 đồng

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 181 trường hợp, số tiền 2.715.000 đồng

2.2. Công tác chứng thực

2.2.1. Chứng thực bản sao từ bản chính

Không thực hiện việc ghi sổ, lập sổ đầy đủ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ²³:

- Xã Ngọc Hội: Năm 2017 và 2018 sổ chứng thực không đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối của sổ. Khi hết năm không thực hiện khóa sổ và

²³ Khoản 1 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: “Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu”

thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ.

- Xã Xuân Quang: Năm 2017 và 2018 sổ chứng thực không đúng mẫu theo quy định, thiếu cột ghi họ tên của người yêu cầu chứng thực; tên các cột không chính xác, thiếu nội dung, thừa cột số trang, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định 23/2015. Khi hết năm không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ; không đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối của sổ

- Thị trấn Vĩnh Lộc: Khi hết năm không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ

2.2.2. Chứng thực chữ ký

- Không thực hiện việc ghi sổ, lập sổ đầy đủ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ (*như đã nêu ở tiết 2.1 mục 2 phần này*):

+ Xã Ngọc Hội: Năm 2017 và 2018 sổ chứng thực không đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối của sổ. Khi hết năm không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm, người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ. Năm 2017, Sổ chứng thực không đúng mẫu quy định, cụ thể thiếu cột ghi thông tin “*họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người yêu cầu chứng thực*”, thiếu cột “*số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký*”, thừa cột “*mục đích sử dụng*”.

+ Xã Xuân Quang: Không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ; không đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối của sổ.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: Khi hết năm không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ.

- Đăng ký số chứng thực và ký hiệu loại việc chứng thực không đúng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP²⁴, tổng số 1.093 việc do Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hội thực hiện (*do sử dụng Sổ chung với Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch*).

²⁴ Khoản 2 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: “*Sổ chứng thực là sổ thứ tự ghi trong sổ chứng thực, kèm theo quyển sổ, năm thực hiện chứng thực và ký hiệu loại việc chứng thực. Sổ thứ tự trong sổ chứng thực phải ghi liên tục từ số 01 cho đến hết năm, trường hợp chưa hết năm mà sử dụng sang số khác thì phải lấy sổ thứ tự tiếp theo của sổ trước, không được ghi từ số 01. Đối với sổ được sử dụng tiếp cho năm sau thì trường hợp chứng thực đầu tiên của năm sau sẽ ghi bắt đầu từ số 01, không được lấy tiếp số thứ tự cuối cùng của năm trước. Sổ ghi trong văn bản chứng thực là sổ tương ứng với sổ chứng thực đã ghi trong sổ chứng thực*”

- Không thực hiện lưu hồ sơ chứng thực chữ ký, vi phạm quy định khoản 2 Điều 14 Nghị định 23/2015/NĐ-CP²⁵, tổng số 1.113 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: 1.093/1.093 trường hợp Ủy ban nhân dân xã thực hiện trong năm 2017 và 2018.

+ Xã Xuân Quang: 20 trường hợp (09 trường hợp năm 2017: các số 03, 06, 07, 08, 10, 12, 25, 28, 35; 11 trường hợp năm 2018: các số 08, 09, 19, 20, 23, 24, 30, 42, 43, 45, 52)

- Không ghi thời gian ngày, tháng, năm thực hiện trong văn bản ủy quyền, văn bản bán tặng cho xe hoặc có trường hợp ghi thời gian thực hiện không cùng với thời gian người thực hiện chứng thực chữ ký thực hiện nên không thể hiện đúng việc “*người yêu cầu chứng thực chữ ký ký trước mặt tôi*”, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 nghị định 23/2015/NĐ-CP (như đã nêu ở trên). Tổng số 32 trường hợp do xã Xuân Quang thực hiện (các số 02, 04, 05, 11, 15, 17-19, 22, 23, 26, 28, 29, 31, 33/2017; các số 02, 06, 09, 10, 14-16, 18, 20, 22, 24, 35, 39, 40, 41, 47, 49/2018).

2.2.3. Chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Không thực hiện việc ghi sổ, lập sổ đầy đủ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ (như đã nêu ở tiết 2.1 mục 2 phần này), gồm:

+ Xã Ngọc Hội: Không mở Sổ chứng thực Hợp đồng giao dịch riêng mà sử dụng chung với Sổ chứng thực chữ ký, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP (như đã nêu ở nội dung trên).

+ Xã Xuân Quang: Sổ chứng thực hợp đồng giao dịch không đúng mẫu; thiếu cột ghi “*họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người yêu cầu chứng thực*”, cột ghi “*họ tên, chức danh của người yêu cầu chứng thực*”; thừa cột “*số lượng bản*”, cột “*số hợp đồng*”, cột “*giá trị hợp đồng*”; sổ không đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối; khi hết năm không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực hợp đồng đã thực hiện trong năm, người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ.

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: Khi hết năm không thực hiện khoá sổ và thống kê số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực không xác nhận, ký và đóng dấu để khoá sổ

²⁵ Khoản 2 Điều 14 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: “*Đối với việc chứng thực chữ ký và chứng thực chữ ký người dịch, cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực phải lưu một bản giấy tờ, văn bản đã chứng thực; thời hạn lưu trữ là 02 (hai) năm. Trong trường hợp chứng thực chữ ký của người tiến hành giám định trong văn bản kết luận giám định tư pháp, chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ*”

- Thiếu chữ ký của người yêu cầu và người thực hiện chứng thực đối với từng trang của hợp đồng; hợp đồng, giao dịch có từ 02 trang trở lên nhưng không đánh số thứ tự từng trang, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP²⁶, tổng số 1.266 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: 89/89 trường hợp thực hiện trong năm 2017 và 2018 thiếu chữ ký của người yêu cầu và người thực hiện chứng thực đối với từng trang của hợp đồng; 25 trường hợp thực hiện trong năm 2018 thiếu số thứ tự (số 22, 29, 184, 199, 270, 281, 286, 287, 292, 293, 297, 298, 306, 324, 337, 345, 412, 427, 428, 431, 439, 461, 465, 475, 485).

+ Xã Xuân Quang: 42 trường hợp (12 trường hợp năm 2017: các số 03, 06, 08, 11, 12, 13, 17, 21, 24, 31, 32, 33; 30 trường hợp năm 2018: các số 02-04, 5-11, 13-22, 27, 29, 34, 36, 39-44)

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 1.135/1.135 hợp đồng thực hiện chứng thực năm 2017 và năm 2018 không có đầy đủ chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; 89 hợp đồng có từ 02 trang trở lên nhưng không đánh số thứ tự từng trang của hợp đồng (23 trường hợp năm 2018: số 01, 40, 49, 59, 64, 79, 85, 104, 106, 108, 142, 138, 147, 157, 159, 163, 166, 168, 171, 172, 181, 200, 207 và 66 trường hợp năm 2017: số 128, 127, 111, 107, 116, 106, 105, 97, 95, 94, 92, 82, 104, 102, 101, 100, 99, 98, 96, 90, 89, 108, 83, 81, 80, 71, 72, hai số 66, 67, 59, 35, 36, 40, 38, 53, 63, 58, 435, 423, 416, 413, 412, 411, 407, 395, 394, 376, 373, 372, 340, 336, 332, 333, 334, 329, 328, 327, 321, 317, 305, 429, 418, 409, 397, 387 năm 2017)

- Chứng thực hợp đồng sai thẩm quyền, vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP²⁷, 04 hợp đồng do thị trấn Vĩnh Lộc thực hiện (các số 66, 67, 76/2017, số 187/2018)

- Hợp đồng chưa đủ điều kiện giao dịch, thiếu ý kiến đồng sở hữu, ý kiến của thành viên hộ gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật dân sự 2015²⁸, tổng số 03 trường hợp, gồm:

+ Xã Xuân Quang: 01 trường hợp (số 01/2017).

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: số 110/2017, số 351/2018.

²⁶ Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: "Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai".

²⁷ Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: "Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất..."

²⁸ - Khoản 2 Điều 212 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình..."

- Thiếu chữ ký của một bên tham gia hợp đồng: 01 trường hợp do thị trấn Vĩnh Lộc thực hiện chứng thực (số 204/2018), vi phạm quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng được quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP²⁹

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch thiếu chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) của người yêu cầu chứng thực, không có bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP³⁰, tổng số 69 trường hợp, gồm:

+ Xã Ngọc Hội: 42 trường hợp (Năm 2017 có 18 hồ sơ gồm các số: 128, 145, 201, 219, 271, 351, 353, 357, 390, 490, 568, 584, 643, 671, 672, 684, 679, 691. Năm 2018 có 24 hồ sơ gồm các số: 22, 28, 141, 184, 197, 297, 304, 313, 324, 337, 346, 404, 421, 431, 433, 439, 461, 469, 470, 471, 472, 473, 487, 488)

+ Xã Xuân Quang: 27 trường hợp (20 trường hợp năm 2018: các số 02-04, 06, 09, 10, 14-16, 18, 20, 22, 24, 32, 35, 39, 40, 41, 47, 49 và 07 trường hợp năm 2017: các số 06, 08, 11, 12, 14, 32, 33)

- Đăng ký số thứ tự không đúng quy định (hai hợp đồng cùng một số chứng thực), vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (như đã nêu tại tiết 2.2 mục 2 phần III Báo cáo này), gồm 03 trường hợp do thị trấn Vĩnh Lộc thực hiện: số 103/2017, 76/2017, 66/2017.

- Chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản do bên A là ngân hàng soạn thảo sẵn, ngân hàng chưa đăng ký chữ ký mẫu nhưng thực hiện chứng thực khi không có mặt bên A, vi phạm quy định về trình tự, thủ tục thực hiện chứng thực quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP³¹, 35 trường hợp do Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang thực hiện: 21 trường hợp năm 2017 (các số: 04, 05, 07-10, 14-17, 19, 20, 22, 23, 25-30, 33) và 14 trường hợp năm 2018 (các số 01,12, 23-26, 28, 30-33, 35, 37, 38).

- Nội dung lời chứng không đầy đủ, chính xác theo mẫu lời chứng đối với từng loại việc theo Phụ lục kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (như đã nêu ở trên): 81 trường hợp, gồm:

²⁹ Khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực...”

³⁰ Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:

a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực;

c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng...”

³¹ Khoản 3 Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: “Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực...”

+ Xã Ngọc Hội: 04 trường hợp.

+ Xã Xuân Quang: 77/77 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện chứng thực hợp đồng trong năm 2017 và 2018

- Thời gian ngày, tháng, năm ghi trong Hợp đồng không cùng với thời gian trong lời chứng nên không thể hiện đúng việc người yêu cầu chứng thực ký trước mặt người thực hiện chứng thực, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP³², gồm 16 trường hợp xã Ngọc Hội thực hiện (năm 2017 có 08 số gồm: 45, 434, 435, 445, 513, 584, 620, 622. Năm 2018 có 18 số gồm: 286, 292, 293, 298, 345, 412, 427, 445, 428, 431, 461, 469, 470, 471, 472, 473, 475, 485).

- Nội dung lời chứng không đầy đủ, chính xác theo mẫu lời chứng số 02 trong Phụ lục kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (như đã nêu ở trên): 48 trường hợp, 89/89 trường hợp xã Ngọc Hội thực hiện chứng thực năm 2017 và 2018 thiếu nội dung “*Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch đã cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng giao dịch*”; “*Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch minh nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng giao dịch này trước mặt tôi*”.

- Ủy ban nhân dân xã phân công công chức Địa chính - Đất đai tham mưu soạn thảo hợp đồng, giao dịch thực hiện quyền của người sử dụng đất, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP³³: xã Ngọc Hội, Xuân Quang, thị trấn Vĩnh Lộc.

*** Trách nhiệm này thuộc về:**

- Người có trách nhiệm tham mưu thực hiện:

+ Phòng Tư pháp huyện: Lãnh đạo và chuyên viên được giao nhiệm vụ tham mưu.

+ Công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, thị trấn, gồm: ông Hoàng Khải Hoàn, bà Nguyễn Thị Thu Hà (thị trấn Vĩnh Lộc), ông Lâm Phúc Huyền (xã Ngọc Hội), ông Tề Văn Dương (nguyên là công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Ngọc

³²Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh nhận, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 của Nghị định này thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký trước mặt và thực hiện chứng thực...”

³³Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị định này...

Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d và e Khoản này”

Hội năm 2017, 2018 nay là công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Hà Lang), ông Ma Văn Trường và Hoàng Đình Linh (*xã Xuân Quang*).

- Người có thẩm quyền ký cấp các giấy tờ hộ tịch cho người dân có sai sót: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã Ngọc Hội, Xuân Quang và thị trấn Vĩnh Lộc, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thanh tra, Sở Tư pháp kết luận và kiến nghị:

1. Kiến nghị Hội đồng nhân dân huyện Chiêm Hóa

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, Phòng Tư pháp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực trên địa bàn.

2. Các đơn vị được thanh tra.

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa

- Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn và bố trí đội ngũ công chức thuộc Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, thị trấn đủ về số lượng, đảm bảo đúng trình độ chuyên môn Luật theo quy định; bố trí đủ 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch đối với các xã/thị trấn còn thiếu.

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp huyện Chiêm Hóa: Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công tác chứng thực, hộ tịch trên địa bàn; thường xuyên hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ, kỹ năng tham mưu thực hiện nhiệm vụ của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; có biện pháp xử lý kịp thời đối với các vấn đề phát sinh trong quản lý, sử dụng phần mềm hộ tịch. Nghiên cứu quy định của pháp luật, tích cực, chủ động trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác chứng thực, quản lý và đăng ký hộ tịch trên địa bàn, tránh để xảy ra sai sót. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các xã Ngọc Hội, Xuân Quang và thị trấn Vĩnh Lộc tiến hành kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của tập thể và từng cá nhân trong việc để xảy ra các sai sót, tồn tại, hạn chế trong công tác chứng thực, công tác hộ tịch trên địa bàn; đồng thời khắc phục kịp thời những hạn chế, sai sót được phát hiện qua công tác thanh tra (*như nội dung mục 2 phần II về “Hạn chế, sai sót” nêu trên*).

- Rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại mục 2 phần II Kết luận này. Chủ động khắc phục những sai sót, hạn chế trong công tác hộ tịch. Cụ thể:

+ Bổ sung các giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký lại việc sinh đối với 02 trường hợp Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện (*số 01, 07/2018*)

+ Kiểm tra, xác minh để có căn cứ hướng dẫn công dân đề nghị cải chính hộ tịch đối với 01 trường hợp Ủy ban nhân dân huyện đăng ký khai sinh cho công dân có nội dung không thống nhất với hồ sơ (*số 07/2018*)

- Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 70 Luật hộ tịch năm 2014, tiến hành thu hồi giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cấp cho công dân sai quy định, gồm:

+ Xã Xuân Quang: 01 trường hợp đăng ký lại nhưng công dân còn Bản chính Giấy khai sinh (*số 152/2018- Tạ Ngọc Hoa*).

+ Thị trấn Vĩnh Lộc: 05 trường hợp sổ gốc vẫn còn lưu trữ thể hiện công dân đã được đăng ký khai sinh (*số 141/2018, các số 59, 68, 69, 131/2017*)

- Bổ sung giấy tờ, tài liệu làm căn cứ thực hiện cải chính hộ tịch, thay đổi hộ tịch đối với 06 trường hợp Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện cải chính, thay đổi hộ tịch cho công dân (*03 trường hợp cải chính hộ tịch: Số trích lục 107/TLCCHT ngày 27/7/2017, số trích lục 385/TLXĐDT ngày 28/12/2018, Trích lục số 88/TLCCHT ngày 22/5/2018; 03 trường hợp thay đổi hộ tịch: Trích lục số 23/TLTĐHT ngày 02/3/2018, Trích lục số 19/TLTĐHT ngày 28/02/2018, Trích lục số 17/TLTĐHT ngày 27/02/2018*)

2.2. Thị trấn Vĩnh Lộc

- Kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm của tập thể và từng cá nhân có liên quan trong việc quản lý và thực hiện công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch đã để xảy ra sai sót; căn cứ mức độ sai phạm, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền tổ chức, cá nhân có sai phạm.

- Nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót về công tác quản lý và thực hiện chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại mục 2 phần II Kết luận này.

- Tiến hành đăng ký vào Sổ đối với 12 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn đã đăng ký khai sinh cho công dân nhưng chưa vào Sổ (*Lương Thị Hải, Tờ khai ngày 08/3/2018; Lý Văn Quan, Tờ khai ngày 20/6/2018; Lưu Văn Lâm, Tờ khai ngày 20/6/2018; Khương Diệp Anh, Tờ khai ngày 28/6/2018; Nguyễn Bảo Lâm, Tờ khai ngày 31/7/2018; Hà Thị Lan, Tờ khai ngày 12/7/2018; Ma Thị Bích Liên, Tờ khai ngày 22/3/2017; Đặng Văn Tùng, Tờ khai ngày 17/3/2017; Mai Bảo Sơn, Tờ khai ngày 07/3/2017; Đặng Yến Nhi, Tờ khai ngày 21/7/2017; Trần Thị Thắm, Tờ khai ngày 26/9/2017; Lương Xuân Cường, Tờ khai ngày 08/9/2017*).

- Bổ sung các giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký nội dung về cha, mẹ đối với 27 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn đã thực hiện đăng ký lại việc sinh

cho công dân năm 2017 (các số 07, 08, 17, 20, 32, 36, 40, 51, 62, 78, 79, 80, 138, 139, 140, 143, 150, 155, 110, 118, 127, 109, 185, 184, 163, 166, 169)

- Bổ sung các giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký lại việc sinh đôi với 11 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn đã thực hiện (09 trường hợp thực hiện năm 2017 thiếu văn bằng, chứng chỉ: các số 12, 75, 138, 139, 162, 163, 184, 197, 198; 02 trường hợp căn cứ vào giấy tờ công dân được cấp không đúng quy định: số 04/2017, 74/2018)

- Bổ sung nội dung xác minh tại nơi đăng ký ban đầu của công dân đối với 61 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn đã đăng ký lại khai sinh cho công dân nhưng chưa tiến hành xác minh theo quy định (các số 07, 17, 20, 58, 62, 65, 40, 51, 75, 79 80, 81, 118, 128, 133, 136, 140, 143, 150, 162, 163, 184, 185, 197 năm 2017; các số 10, 14, 19, 16, 13, 21, 28, 44, 58, 59, 72, 77, 78, 87, 90, 74, 103, 124, 126, 127, 128, 132, 137, 138, 139, 140, 146, 148, 149, 150, 151, 152, 155, 156, 158, 159, 161 năm 2018). Nếu kết quả xác minh thể hiện công dân đã được đăng ký lại khai sinh thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh Ủy ban nhân dân thị trấn đã cấp cho công dân trái pháp luật

- Bổ sung căn cứ đăng ký nội dung về ngày, tháng, năm sinh đối với 04 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn đã đăng ký lại khai sinh cho công dân nhưng không có căn cứ đăng ký nội dung về ngày, tháng, năm sinh (số 04, 74/2017, số 01, 146/2018)

- Tiến hành đăng ký vào Sổ đối với 12 trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn đã đăng ký khai tử và cấp Giấy chứng tử nhưng chưa vào Sổ (Tờ khai ngày 30/7/2018), Đỗ Văn Đức (Đơn ngày 24/5/2018), Vũ Đình Tuy (Đơn ngày 13/12/2018), Hoàng Văn Kính (Đơn không ghi ngày do vợ là bà Hoàng Thị Phương lập), Lưu Quang Thanh (Tờ khai ngày 04/6/2018), Nguyễn Văn Minh (Đơn ngày 05/6/2018), Phạm Văn Thành (Đơn ngày 11/6/2018), Nguyễn Thị Xim (Đơn ngày 11/6/2018), Khương Quang Chấn (Tờ khai ngày 28/6/2018), Hoàng Văn Hòa (Đơn ngày 05/7/2018), Phạm Tuấn Dương (Tờ khai ngày 06/7/2018), Triệu Say Và (Tờ khai ngày 17/7/2018), Trần Đức Bình (Tờ khai ngày 21/7/2018), Lục Thành Văn (Tờ khai ngày 24/7/2018, UBND TT cấp trích lục số 44 ngày 24/7/2018), Nguyễn Văn Kiên (Tờ khai ngày 24/7/2018), Hà Tiên Vi (Tờ khai ngày 09/8/2018).

- Bổ sung giấy tờ làm căn cứ đăng ký kết hôn đối với 02 trường hợp bên nam đăng ký lần thứ hai (Triệu Thành Tâm kết hôn với Sầm Thị Luyến, Trần Trung Sỹ kết hôn với Phạm Phương Thanh) và 02 trường hợp đăng ký lại kết hôn (Ngô Kim Thoa kết hôn với Đỗ Tú và trường hợp Trần Thị Mơ kết hôn Nguyễn Tiến Trung)

- Bổ sung tài liệu, giấy tờ làm căn cứ thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con đối với 01 trường hợp do Ủy ban nhân dân thị trấn đã thực hiện năm 2017

- Thông báo đến đồng sở hữu về việc đã thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch số 110/2017 và 351/2018.

- Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của cá nhân trong việc không thu phí, lệ phí chứng thực, hộ tịch gây thất thoát; truy thu số tiền 5.596.000 đồng nộp ngân sách nhà nước theo quy định, trong đó:

+ Lệ phí đăng ký khai sinh: 2.456.000 đồng

+ Lệ phí đăng ký khai tử: 140.000 đồng

+ Lệ phí đăng ký kết hôn: 150.000 đồng.

+ Lệ phí đăng ký thay đổi hộ tịch, cải chính hộ tịch: 135.000 đồng

+ Lệ phí cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 2.715.000 đồng

2.3. Xã Ngọc Hội

- Kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm của tập thể, từng cá nhân có liên quan trong việc quản lý và thực hiện công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch đã để xảy ra sai sót; căn cứ mức độ sai phạm, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền tổ chức, cá nhân có sai phạm.

- Nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót về công tác quản lý và thực hiện chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại mục 2 phần II Kết luận này.

- Bổ sung các giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký nội dung về cha, mẹ đối với 20 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký lại việc sinh cho công dân (các số 01, 06, 14, 96, 95, 29, 30, 41, 50, 51, 52, 59, 62, 64/2017; số 20, 60, 61, 74, 80, 90 năm 2018).

- Bổ sung nội dung xác minh tại nơi đăng ký ban đầu của công dân đối với 08 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký lại khai sinh cho công dân nhưng chưa tiến hành xác minh theo quy định (số 12, 26, 28, 43, 90/2018; số 30, 41, 95/2017). Nếu kết quả xác minh thể hiện công dân đã được đăng ký lại khai sinh thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh Ủy ban nhân dân xã đã cấp cho công dân trái pháp luật

- Bổ sung căn cứ đăng ký nội dung về ngày, tháng, năm sinh đối với 03 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký lại khai sinh cho công dân nhưng không có căn cứ đăng ký nội dung về ngày, tháng, năm sinh (số 30, 34. 37/2018)

- Kiểm tra, xác minh để có căn cứ hướng dẫn công dân đề nghị cải chính hộ tịch đối với 01 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đăng ký khai sinh cho công dân có nội dung không thống nhất với hồ sơ (số 100/2017)

- Bổ sung đầy đủ thông tin và chữ ký của hai bên (Nam-Nữ) trong Tờ khai đăng ký kết hôn đối với 14 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện đăng ký cho công dân nhưng Tờ khai chưa đầy đủ nội dung, chữ ký (*số 10/2017; các số 01, 02, 04, 06, 07, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 21 năm 2017; số 03/2018*)

- Bổ sung giấy tờ, tài liệu làm căn cứ thực hiện cải chính hộ tịch với 01 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện cải chính hộ tịch cho công dân (*Số 04/2017*)

- Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của cá nhân trong việc không thu phí, lệ phí chứng thực, hộ tịch gây thất thoát; truy thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định số tiền 4.313.000 đồng, trong đó:

+ Lệ phí đăng ký khai sinh: 1.368.000 đồng.

+ Lệ phí đăng ký khai tử: 95.000 đồng

+ Lệ phí đăng ký cải chính hộ tịch, thay đổi hộ tịch: 240.000 đồng.

+ Lệ phí cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 2.610.000 đồng

2.4. Xã Xuân Quang

- Kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm của tập thể, từng cá nhân có liên quan trong việc quản lý và thực hiện công tác chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch đã để xảy ra sai sót; căn cứ mức độ sai phạm, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền tổ chức, cá nhân có sai phạm.

- Nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót về công tác quản lý và thực hiện chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại mục 2 phần II Kết luận này.

- Tiến hành đăng ký vào Sổ đối với 03 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký khai sinh cho công dân nhưng chưa vào Sổ (*Hứa Thị Tuyết, tờ khai ngày 09/10/2018; Dương Văn Vững, tờ khai ngày 02/3/2018; Mai Hồng Oanh, tờ khai 02/5/2018*).

- Bổ sung các giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký nội dung về cha, mẹ đối với 35 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký lại việc sinh cho công dân (*các số 17, 18, 09 năm 2017, các số 130, 134, 135, 178, 189, 194, 16, 18, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 32, 33, 34, 35, 45, 47, 54, 57, 83, 103, 107, 110, 111, 112, 113, 116, 130, 144*).

- Bổ sung các giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký lại việc sinh đối với 23 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện (*11 trường hợp thiếu văn bằng, chứng chỉ: các số 29, 34, 35, 47, 61, 64, 67, 112, 113, 116, 141 năm 2018; 12 trường hợp thiếu cam đoan đã nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hiện có: 09, 10, 15, 17, 18, 20, 28/2017; 178, 194, 130, 134, 135/2018*)

- Bổ sung nội dung xác minh tại nơi đăng ký ban đầu của công dân đối với 01 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký khai sinh cho công dân nhưng chưa tiến hành xác minh theo quy định (số 198/2018); Nếu kết quả xác minh thể hiện công dân đã được đăng ký khai sinh thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh Ủy ban nhân dân xã đã cấp cho công dân trái pháp luật

- Kiểm tra, xác minh để có căn cứ hướng dẫn công dân đề nghị cải chính hộ tịch đối với 02 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đăng ký khai sinh cho công dân có nội dung không thống nhất với hồ sơ (số 31 và 132/2018)

- Thực hiện đăng ký vào Sổ đối với 04 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện thay đổi hộ tịch cho công dân nhưng chưa tiến hành vào Sổ (Lục Giai Nam, Tờ khai ngày 21/7/2017; Lục Giai Hưng, Tờ khai ngày 21/7/2017; Vàng Seo Lợi, Tờ khai ngày 12/9/2018; Vàng Thị Sen, Tờ khai không có ngày, tháng)

- Bổ sung giấy tờ, tài liệu làm căn cứ thực hiện thay đổi hộ tịch đối với 12 trường hợp Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện thay đổi hộ tịch cho công dân (các số 03, 04, 05/2017; 01, 03 đến 06, 08 đến 11/2018)

- Thông báo đến đồng sở hữu về việc đã thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch số 01/2017.

- Có biện pháp bổ sung chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực đối với 42 hợp đồng, giao dịch do Ủy ban nhân dân xã thực hiện (các số 03, 06, 08, 11, 12, 13, 17, 21, 24, 31, 32, 33 năm 2017; các số 02-04, 5-11, 13-22, 27, 29, 34, 36, 39-44 năm 2018)

- Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của cá nhân trong việc không thu phí, lệ phí chứng thực, hộ tịch gây thất thoát; truy thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định số tiền 3.306.000 đồng, trong đó:

+ Lệ phí đăng ký khai sinh: 1.656.000 đồng.

+ Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng

+ Lệ phí đăng ký cải chính hộ tịch, thay đổi hộ tịch: 270.000 đồng.

+ Lệ phí cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 1.365.000 đồng

2.5. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa có quyết định thu hồi, hủy bỏ các giấy tờ hộ tịch các xã, thị trấn đã cấp cho công dân không đúng quy định, yêu cầu các xã, thị trấn chủ động hướng dẫn công dân làm thủ tục và đăng ký hộ tịch cho công dân theo đúng quy định của Luật hộ tịch năm 2014, đảm bảo quyền lợi cho công dân.

2.6. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về công tác chứng thực; công tác quản lý và đăng ký hộ tịch; chấp hành nghiêm túc chế độ thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định và đột xuất theo yêu cầu.

2.7. Niêm yết Kết luận này tại trụ sở làm việc của đơn vị mình trong thời gian 15 ngày liên tục, kể từ khi nhận được Kết luận theo quy định của Luật Thanh tra và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

(Các nội dung trên, yêu cầu các đơn vị được thanh tra thực hiện và báo cáo kết quả về Sở Tư pháp trước ngày 30/11/2019, có đầy đủ tài liệu minh chứng kèm theo)

3. Giao các phòng chuyên môn thuộc Sở tiếp tục tham mưu văn bản chấn chỉnh, hướng dẫn nghiệp vụ công tác chứng thực, công tác hộ tịch nhất là những nội dung có nhiều sai sót được phát hiện qua công tác thanh tra, nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Giao Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện và căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể tham mưu kiểm tra việc thực hiện Kết luận này.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý và thực hiện chứng thực, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch đối với Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy; (Báo cáo)
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Huyện ủy, HĐND huyện Chiêm Hóa;
- Phòng HCTP, BTTP;
- UBND huyện Chiêm Hóa;
- Phòng Tư pháp huyện Chiêm Hóa;
- UBND các xã Ngọc Hội, Xuân Quang, Thị trấn Vĩnh Lộc (Thực hiện)
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu VT, ĐTT
Vân (02b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thị Thanh Hương